

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST

Ngày 30 - 5 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Cương;

2. Ông Nguyễn Công Hiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường Nhà văn hóa Khu phố 11, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh ngày 06/5/1996, tại Quảng Trị;

Nơi cư trú: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm: 1969 và bà Phạm Thị A, sinh năm: 1970; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/02/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh K, sinh ngày 19/8/1991, tại Quảng Trị;

Nơi cư trú: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh Y, sinh năm: 1969 và bà Trần Thị V, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/02/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Ninh B, sinh ngày 27/11/1990, tại Quảng Trị;

Nơi cư trú: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không xác định) và bà Lê Thị S, sinh năm: 1971; Vợ: Bị cáo sống chung như vợ chồng với Phạm Thị Thúy N; trú tại: Thôn N, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/02/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Đức C, sinh năm: 1973; địa chỉ: Khu phố H, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Viết N, sinh năm: 1969; địa chỉ: Khu phố N, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Lê Tứ Z, sinh năm: 1979; địa chỉ: Khu phố S, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Văn T, sinh năm: 1969; địa chỉ: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Trương S, sinh năm: 1956; địa chỉ: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/9/2017, Lê Ninh B rủ Lê Văn L đi trộm cắp tài sản, L đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74C1-01262 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn T; địa chỉ: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (bố của bị cáo L) chở B đi dọc các tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến đoạn đường Nguyễn Hữu Thạnh giao nhau với đường Nguyễn Trung Trực, thuộc Khu phố 7, Phường 3, phát hiện xe ô tô hiệu Kamaz thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Đức C; trú tại: Khu phố H, Phường B, thành phố Đ, đang đỗ trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thạnh, không có người trông giữ, L dừng xe rồi cùng B đến xe ô tô dùng kìm (do B mang theo) tháo lấy 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Vĩnh Phú GS N150A của xe ô tô. Sau đó, cả hai đưa đến bán cho ông Trương S; địa chỉ: Kiệt 82- ND, thành phố Đ, với giá 1.000.000 đồng, số tiền này B, L đã tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận số: 22/KLĐGTS ngày 11/01/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, xác định: Trị giá còn lại của 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Vĩnh Phú GS N150A là: 3.835.000 đồng.

Ngoài hành vi cùng Lê Ninh B trộm cắp tài sản nêu trên, Lê Văn L cùng Lê Thanh K còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác, cụ thể:

- Vụ thứ nhất:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 29/8/2017, sau khi chơi game ở quán Internet số 31- Ngô Quyền, thành phố Đông Hà, Lê Thanh K rủ Lê Văn L đi trộm bình ắc quy xe ô tô để bán lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F3-8627 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ; trú tại: Khu phố B, phường N, thành phố Đ, chở L đi dọc các tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà. Khi đến đoạn đường Hoàng Thị Ái trước Gara Lanh, thuộc Khu phố 8, Phường 5 thành phố Đông Hà, phát hiện xe ô tô tải hiệu Daewoo thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Viết N; trú tại: Khu phố N, Phường N, thành phố Đ, đang đỗ ở lòng đường, không có người trông giữ, K dừng xe để L đứng cạnh giới còn K đến xe ô tô dùng kìm mang theo tháo lấy 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Đồng Nai N150A trên xe ô tô rồi cả hai đưa đến bán cho ông Trương S; địa chỉ: Kiệt 82- ND, thành phố Đ, với giá 1.000.000 đồng, số tiền này L, K chia nhau tiêu xài.

Tại Bản kết luận số: 32/KLĐGTS ngày 07/02/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, xác định: Trị giá còn lại của 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Đồng Nai N150A là: 4.560.000 đồng.

- Vụ thứ hai:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 03/9/2017, sau khi chơi game ở quán Internet số 31- Ngô Quyền, thành phố Đông Hà, Lê Văn L rủ Lê Thanh K đi tìm bình ắc quy xe ô tô để lấy trộm, K đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F3-8627 chở L đi dọc các tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà. Khi đến bãi đất trống bên cạnh nhà số 199- Nguyễn Du, thuộc Khu phố 9, phường 5, thành phố Đông Hà, phát hiện xe ô tô hiệu KAMAZ thuộc quyền sở hữu của ông Lê Tứ Z; trú tại: Khu phố S, Phường N, thành phố Đ, đang đỗ, không có người trông giữ, K dừng xe để L đứng cạnh giới còn K đến xe ô tô dùng kìm mang theo tháo lấy 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Vĩnh Phú N200A trên xe ô tô rồi cả hai đưa đến bán cho ông Trương S, với giá 1.000.000 đồng, số tiền này L, K chia nhau tiêu xài.

Tại Bản kết luận số: 32/KLĐGTS ngày 07/02/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà, xác định: Trị giá còn lại của 02 bình ắc quy loại 12V, nhãn hiệu: Vĩnh Phú N200A là: 6.080.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-ĐH ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Lê Văn L, Lê Ninh B và Lê Thanh K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Lê Ninh B và Lê Thanh K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Lê Văn L từ 13 tháng đến 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Lê Thanh K từ 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng khoản 1, Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Lê Ninh B: Từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 truy thu sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có 2.000.000 đồng. Trong đó, truy thu từ L: 1.000.000 đồng và truy thu từ K 500.000 đồng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh K đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo đã cùng thực hiện vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 29/8/2017, tại khu phố 8, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và vào lúc 0 giờ 30 phút, ngày 03/9/2017, tại khu phố 9, Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn L và Lê Ninh B khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo cùng thực hiện vào rạng sáng ngày 07/9/2017, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-ĐH ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên đã đủ căn cứ để xác định:

- Các bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh K lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Viết N và ông Lê Tứ Z. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 10.640.000 đồng, được xác định tại Bản kết luận định giá số: 32/KLĐGTS ngày 07/02/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đông

Hà. Trong đó, các bị cáo chiếm đoạt tài sản của ông N có trị giá 4.560.000 đồng, tài sản của ông B có trị giá 6.080.000 đồng.

- Bị cáo Lê Văn L, ngoài các hành vi chiếm đoạt nêu trên, ngày 07/9/2017, L cùng với Lê Ninh B đã vi lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Đức C. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của ông C có trị giá 3.835.000 đồng, được xác định tại Bản kết luận định giá số: 22/KLĐGTS ngày 11/01/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đông Hà.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn L, Lê Thanh K và Lê Ninh B đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt: 14.475.000 đồng. Theo đó, bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng trị giá tài sản của 03 lần chiếm đoạt là 14.475.000 đồng (4.560.000 + 6.080.000 + 3.835.000), bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng trị giá tài sản của 02 lần chiếm đoạt là 10.640.000 đồng (4.560.000 + 6.080.000), bị cáo B chỉ chịu trách nhiệm hình sự trên trị giá tài sản của 01 lần chiếm đoạt là 3.835.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an trên địa bàn nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng - ngừa và đẩy lùi tội phạm.

* Xét vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn. Theo đó:

Bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh K 02 lần cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó: 02 lần L đều tham gia với vai trò cảnh giới để tạo điều kiện thuận lợi cho K trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt; bị cáo K khởi xướng trong lần phạm tội vào ngày 29/8/2017; bị cáo L khởi xướng trong lần phạm tội lần ngày 03/9/2017 nên bị cáo K có vai trò cao hơn bị cáo L.

Đối với lần phạm tội vào ngày 06/9/2017, B tham gia với vai trò là người khởi xướng đồng thời cùng với L trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt nên bị cáo B có vai trò cao hơn bị cáo L.

* *Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Lê Văn L 03 lần thực hiện hành vi phạm tội (ngày 29/8/2017, ngày 03/9/2017 và ngày 07/9/2017), trị giá tài sản mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản của 03 lần chiếm đoạt dưới 50.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Thanh K 02 lần thực hiện hành vi phạm tội (ngày 29/8/2017 và ngày 03/9/2017), trị giá tài sản mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản của 02 lần chiếm đoạt dưới 50.000.000 đồng.

Vì vậy, các bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra (tính thành khẩn ở mức độ cao, đặc biệt đối với Lê Văn L); các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo L tự nhận và khai ra 03 hành vi phạm tội trong khi chưa ai phát hiện được L phạm tội; Bị cáo K tự nguyện bồi thường 2.000.000 đồng cho bị hại là ông Nguyễn Viết N; hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo B gây thiệt hại không lớn; Gia đình bị cáo L có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó, phải áp dụng chung cho cả 03 bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo L áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo K áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo B áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Về hình phạt đối với các bị cáo:

Xét tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (đối với bị cáo L và bị cáo K); các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có chỗ ở ổn định và có địa chỉ rõ ràng. Bị cáo L và bị cáo K mặc dù chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự định tại khoản 1 cũng như khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng thêm khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để cho các bị cáo hưởng án treo là có căn cứ.

Đối với hành vi mua tài sản (bình ắc quy) do người khác phạm tội mà có của ông Trương S. Hội đồng xét xử thấy: Ông S không biết tài sản mình mua là do phạm tội mà có, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này là có căn cứ.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Đức C đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt; ông Nguyễn Viết N đã được Lê Thanh K bồi thường 2.000.000 đồng. Ông C và ông N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Lê Tứ Z không yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt; ông Trương S tự nguyện giao nộp 02 bình ắc quy cho cơ quan điều tra nhưng không yêu cầu bồi thường khoản tiền mà ông mua 02 bình ắc quy đó nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về vật chứng vụ án:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74C1-01262 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn T; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74F3-8627 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ, ông T cho L mượn sử dụng, ông Đ cho K mượn sử dụng. L, K đã sử dụng xe mô tô đó làm phương tiện phạm tội trong khi ông T và ông Đ không biết, cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu là có căn cứ. Sau khi nhận lại tài sản, ông T, ông Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản tiền có được từ việc bán tài sản (bình ắc quy) do phạm tội mà có của L, B và K. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi chiếm đoạt được tài sản, L, K và B đưa đi bán cho ông S rồi chia nhau tiền xài. Trong đó, L hưởng lợi: 1.500.000 đồng, K hưởng lợi: 1.000.000 đồng, B hưởng lợi: 500.000 đồng. K đã tự nguyện bồi thường 2.000.000 đồng cho ông Nguyễn Viết N. Như vậy, K vẫn còn hưởng lợi bất chính 500.000 đồng từ việc bán tài sản chiếm đoạt của ông B, khoản tiền này cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Lê Ninh B và Lê Thanh K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[1] Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1 khoản 2, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng,

Bị cáo Lê Văn L và Lê Thanh K áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Văn L áp dụng thêm điểm r, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Thanh K áp dụng thêm điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Ninh B áp dụng thêm điểm h, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử:

- Lê Văn L: 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2018.

- Lê Thanh K: 10 (*mười*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (*hai mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2018.

- Lê Ninh B: 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2018.

Giao các bị cáo Lê Văn L, Lê Ninh B và Lê Thanh K cho Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thì Ủy ban nhân dân Phường 5 có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Đông Hà có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc Lê Văn L phải nộp 1.500.000 đồng, Lê Ninh B phải nộp 500.000 đồng và Lê Thanh K phải nộp 500.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đ;
- Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Quốc Huy